

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BIÊN HOÀ  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **253/2021/HNGĐ-ST**  
Ngày: 12/11/2021  
V/v: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HOÀ, TỈNH ĐỒNG NAI.**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:* Bà Võ Thị Hà Vân

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Thiều Thị Phi Loan

Ông Trần Văn Chánh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hoà.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hoà tham gia phiên tòa:** bà Trần Thị Thuỷ - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hoà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 152/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 170/2021/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2021, quyết định hoãn phiên tòa số 106/2021/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2021, Thông báo dời thời gian mở phiên tòa xét xử vụ án số 656/TB-TA ngày 13/7/2021, Thông báo mở lại phiên tòa xét xử vụ án số 837/TB-TA ngày 22/10/2021 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Đồng Thị T, sinh năm 1984.

**- Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1981.

Cùng cư trú: tổ A, khu phố B, phường C, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

**Theo đơn khởi kiện ngày 23 tháng 11 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đồng Thị T trình bày:** Chị và anh N xây dựng gia đình vào năm 2010 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 18/3/2010 tại UBND xã H, huyện K, tỉnh Hoà Bình.

Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu, sau đó vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống trong sinh hoạt gia đình, anh N thường xuyên đánh đập, chửi mắng chị, mặt khác từ năm 2017 đến nay anh N bắt đầu đánh đề, mặc dù chị đã khuyên can nhưng anh N vẫn không chịu thay đổi nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được. Nay chị xin được ly hôn với anh N để trả tự do cho nhau.

Về con chung: có 02 con chung tên:

1. Nguyễn Ngọc Gia H, ngày 03/11/2010
2. Nguyễn Ngọc Hà P, sinh ngày 06/11/2015.

Chị T đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H, cháu P, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*** Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai, có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, không có lời khai nên bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đồng Thị T.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Gia H, sinh ngày 03/11/2010, cháu Nguyễn Ngọc Hà P, sinh ngày 06/11/2015 cho chị N nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Tài sản chung, nợ chung: Giải quyết bằng vụ kiện khác khi các bên có yêu cầu.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Đồng Thị T xin ly hôn anh Nguyễn Văn N, theo biên bản xác minh tại Công an C ngày 10/3/2021 anh N là bị đơn có hộ khẩu thường trú và cư trú tại tổ 13, khu phố B, phường C, thành phố D, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều

28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

Anh Nguyễn Văn N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, thông báo công khai việc kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên toà, Thông báo dời thời gian xét xử vụ án, Thông báo mở lại phiên toà nhưng đều vắng mặt không có lý do. Chị Đồng Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 207, Điều 208; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa tiến hành đưa vụ án xét xử theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh N xây dựng gia đình với nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn vào ngày 18/3/2010 tại UBND xã H, huyện K, tỉnh Hoà Bình nên được xem là hôn nhân hợp pháp theo Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000.

Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu, sau đó vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống trong sinh hoạt gia đình, anh N thường xuyên đánh đập, chửi mắng chị, mặt khác từ năm 2017 đến nay anh N bắt đầu đánh đề, mặc dù chị đã khuyên can nhưng anh N vẫn không chịu thay đổi nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được. Chị T có đơn yêu cầu được ly hôn anh N.

Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết đã nhiều lần mời anh N làm việc nhưng anh N không đến chứng tỏ anh đã bỏ mặc tình trạng hôn nhân của mình không quan tâm đến việc hàn gắn gia đình. Mặt khác tại biên bản xác minh ngày 27/4/2021 của chính quyền địa phương xác nhận tình trạng mâu thuẫn của chị T và anh N là có thật, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng có cãi vã.

Xét thấy, tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng chị T, anh N có kéo dài cũng không đem đến hạnh phúc, anh N không có thiện chí hoặc biện pháp để hàn gắn gia đình, mục đích hôn nhân không đạt; Căn cứ Điều 51, Điều 56 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn xin ly hôn của chị T, cho chị T được ly hôn với anh N.

[3] Về con chung: Chị T và anh N có 02 con chung :

1. Nguyễn Ngọc Gia H, ngày 03/11/2010
2. Nguyễn Ngọc Hà P, sinh ngày 06/11/2015.

Chị T yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu H, cháu P. Qua tham khảo ý kiến cháu P đã trên 7 tuổi, nguyện vọng của cháu muốn sống với mẹ, còn cháu P còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ nên chấp nhận yêu cầu của chị T giao 02 con cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Do chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm thời anh N không cấp dưỡng nuôi con chung. Anh N được quyền thăm nom con không ai cản trở.

Vì quyền lợi của trẻ khi cần thiết các bên được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Tại đơn khởi kiện ngày 13/8/2020 chị Đồng Thị T yêu cầu chia tài sản chung đối với Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất, thửa đất số 162, tờ bản đồ số 64 tọa lạc tại khu phố B, phường C, thành phố D, tỉnh Đồng Nai. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 28/1/2021 chị T có làm đơn rút yêu cầu chia tài sản chung là Quyền sử dụng đất nêu trên. Xét thấy việc rút yêu cầu của chị T là tự nguyện và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ.

Do chưa có ý kiến trình bày của anh N về tài sản chung nên giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác khi các bên có yêu cầu.

[5] Về nợ chung: do chưa có ý kiến trình bày của anh N về nợ chung nên giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác khi các bên có yêu cầu.

[6] Về án phí: Chị Đồng Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hoà phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 207, Điều 208; khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 244; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 9, 11, 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đồng Thị T, xử cho chị Đồng Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn N.

2. **Về con chung:** Giao cháu Nguyễn Ngọc Gia H, sinh ngày 03/11/2010, cháu Nguyễn Ngọc Hà P, sinh ngày 06/11/2015 cho chị Đồng Thị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm thời anh Nguyễn Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của trẻ khi cần thiết các bên được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. **Về tài sản chung :** Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung của chị Đồng Thị T đối với Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất, thửa đất số 162, tờ bản đồ số 64 tọa lạc tại khu phố B, phường C, thành phố D, tỉnh Đồng Nai.

Toà án sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác khi các bên có yêu cầu

4. **Nợ chung :** Giải quyết bằng vụ kiện khác khi các bên có yêu cầu.

5. **Về án phí:** Chị Đồng Thị T phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai số 0009821 ngày 11/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hoà.

Hoàn trả chị Đồng Thị T số tiền tạm ứng án phí 6.250.000 (*Sáu triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0009813 ngày 11/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hoà.

5. Chị Đồng Thị T, anh Nguyễn Văn N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- VKSND thành phố Biên hòa
- THADS thành phố Biên Hòa
- Các đương sự
- Nơi đăng ký kết hôn

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**Võ Thị Hà Vân**



